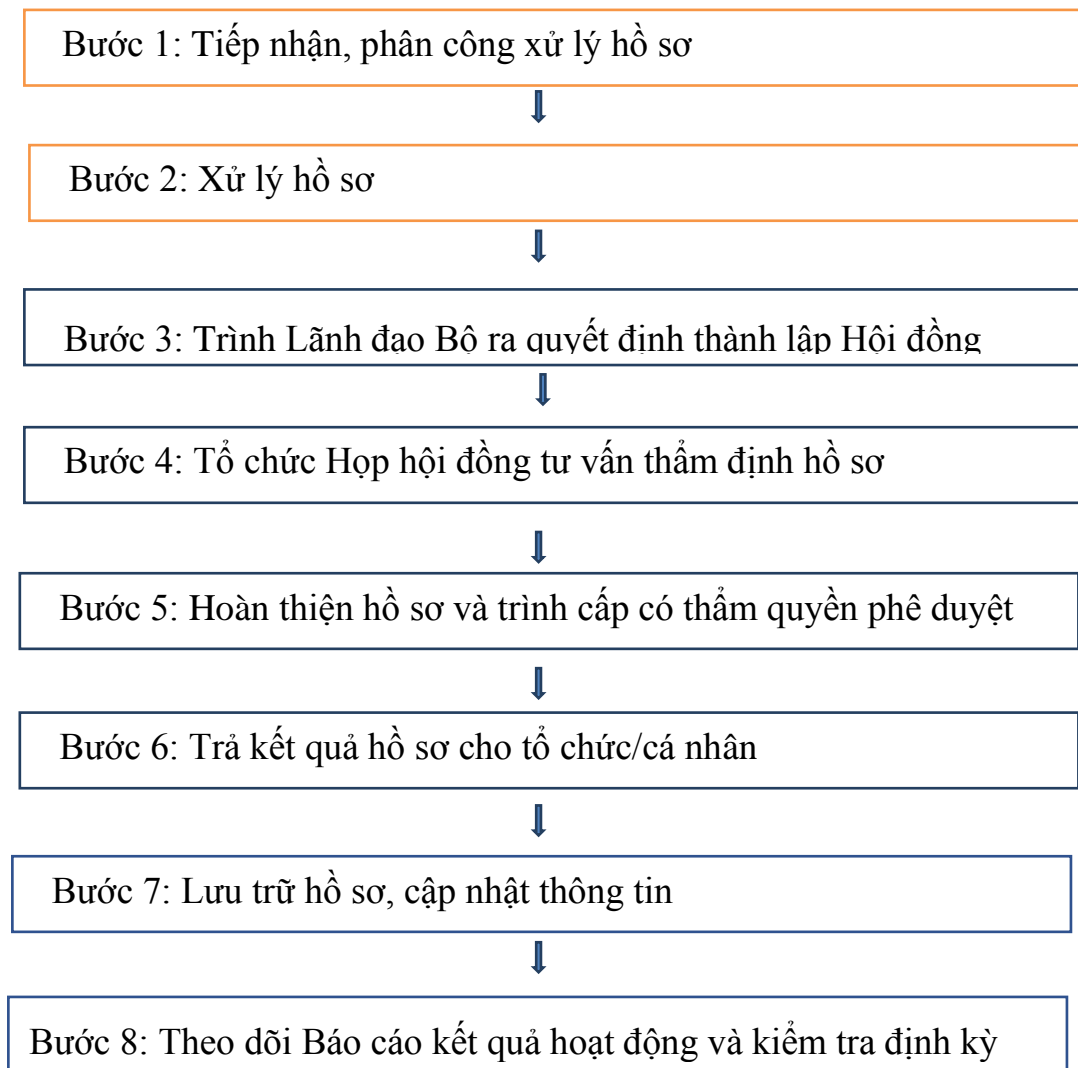


Phụ lục II
**CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG, NGHIÊN CỨU,
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO, CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ
CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NHẬN
DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO**

*(Kèm theo Thông tư số /2022/TT-BKHHCN ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

I. Sơ đồ các bước công việc:



II. Định mức kinh tế - kỹ thuật cho các dịch vụ:

- Dịch vụ Thẩm định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao
- Dịch vụ Thẩm định cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao dành cho tổ chức, cá nhân
- Dịch vụ Thẩm định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao
- Dịch vụ Thẩm định cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
- Dịch vụ Thẩm định cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

4.1. Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Nhân công	
		Chức danh	Định mức (công) (thực hiện 1 dịch vụ)
I	Định mức lao động trực tiếp		
1	Tiếp nhận, phân công xử lý hồ sơ	Trình độ tối thiểu: Chuyên viên bậc 1/9 hoặc tương đương	0,125
2	Xử lý hồ sơ	Trình độ tối thiểu: Chuyên viên bậc 1/9 hoặc tương đương	21,25
3	Trình Lãnh đạo Bộ	Trình độ tối thiểu: Chuyên viên bậc 1/9 hoặc tương đương	0,5
4	Tổ chức Họp hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ	Trình độ tối thiểu: Chuyên viên bậc 1/9 hoặc tương đương	17
5	Hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo Bộ cấp Giấy chứng nhận	Trình độ tối thiểu: Chuyên viên bậc 1/9 hoặc tương đương	1,5
6	Trả kết quả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân	Trình độ tối thiểu: Chuyên viên bậc 1/9 hoặc tương đương	0,125

7	Thống kê, theo dõi và lưu trữ hồ sơ	Trình độ tối thiểu: Chuyên viên bậc 1/9 hoặc tương đương	5
8	Theo dõi Báo cáo kết quả hoạt động và kiểm tra định kỳ	Trình độ tối thiểu: Chuyên viên bậc 1/9 hoặc tương đương	6,125
II	Định mức lao động gián tiếp		
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp		

Định mức chi tiền công cho Chủ tịch, ủy viên phản biện và ủy viên Hội đồng quy định tại Thông tư này là mức chi theo Điều 9 Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Định mức lao động tại Phụ lục này chưa bao gồm chi phí công tác phí, đi lại và lưu trú của chuyên viên và chuyên gia.

4.2. Định mức vật tư

TT	Định mức vật tư	ĐVT	Số lượng
1	Giấy in A4	Gram	1
2	Mực in	Hộp	0,3
3	Bút bi	Cái	32
4	Photo tài liệu	Trang	20.000
5	Cặp file	Cái	32
6	Kẹp tài liệu	Hộp	1
7	Ghim tài liệu	Hộp	0,2
8	Khung Giấy chứng nhận	Cái	1
5	Điện	KW	64

4.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị

TT	Định mức máy móc thiết bị, TSCĐ	Đơn vị tính	Định mức (thực hiện 1 dịch vụ)
1	Máy tính	Ca	8,875
2	Máy scan	Ca	0,25
3	Máy in lazer	Ca	0,375
4	Cây nước nóng lạnh	Ca	8
5	Ghế nhân viên	Ca	6,875

6	Ghế khách hàng	Ca	0,125
7	Bàn làm việc	Ca	6,875
8	Tủ đựng tài liệu	Ca	6,875